TÒA ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 19/10/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thu H

Ông Lò Văn Hoan

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Quàng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý, là Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tHnh phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và chia tài sản khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/7/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2023/QĐST- HNGĐ ngày 22/8/2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/2023/QĐNPT-HNGĐ ngày 22/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lò Thị L: sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: Bản B N, xã T M, huyện T C, tỉnh S L; Nơi công tác: Trạm Y tế xã T C, trung tâm Y t huyện T C, tỉnh S L (Có đơn xin xét xử vắng mặt); Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị D; Địa chỉ: Số nH 03, tổ dân phố 06, phường T T, tHnh phố Đ B P, tỉnh Đ B (Theo giấy ủy quyền và lời chứng của công chứng viên ngày 10/01/2023) (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Đoàn Duy L, sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: Số nH 24, tổ dân phố 06, phường T T, tHnh phố Đ B P, tỉnh Đ B; Nơi công tác: Bệnh Viện Y học cổ truyền t; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L: Bà Triệu Thị H – Văn phòng Luật sư Triệu H, Đoàn luật sư tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: Số nH 32, tổ dân phố 09, phường N B, tHnh phố Đ B P, tỉnh Đ (Có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân Hng Ngân Hng B; *Người đại diện pháp luật:* Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc; *Người đại diện theo ủy quyền của ông V:* Bà THo Thị D - Giám đốc; người đại diện ủy quyền của bà Dung: Bà Đỗ Thị M – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch số 2; trụ sở: Số nH 07, tổ 3, phường T Th, tHnh phố Đ, tỉnh B (Có mặt tại phiên tòa);

- Bà Nguyễn Thị C; Địa chỉ: Số nH 24, tổ dân phố 06, phường T T, tHnh phố Đ B P, tỉnh Đ B (Vắng mặt có lý do);

- Bà Quàng Thị H, sinh năm 1080; Địa chỉ: Bản B N, xã T M, huyện T C, tỉnh S L (Vắng mặt có lý do); Người đại diện ủy quyền: Bà Quàng Thị T; Địa chỉ: Bản M, xã T N, huyện Đ, tỉnh B. Bà T có Đơn từ chối tiếp tục nhận ủy quyền ngày 05/9/2023.

- Bà Lò Thị C, sinh năm 1974; Địa chỉ: Bản B Nh, xã T M, huyện T Ch, tỉnh S L (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lò Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L và ông Đoàn Duy L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi lấy nhau bà L và ông L sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính tình hai vợ cH không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, sống không có hạnh phúc. Hiện nay bà L không còn tình cảm với ông L nên bà L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Có 01 con chung cháu Đoàn Ánh D, sinh ngày 17/6/2020. Nay bà L có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đoàn Ánh D, sinh ngày 17/6/2020 cho đến khi 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu D là 2.000.000 đồng/ 1 tháng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ngày 18/10/2023 bà L có đơn xin rút không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà L. Nếu ông L cấp dưỡng nuôi cháu D như thế nào thì bà L đồng ý như thế.

- Về con riêng: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản và nợ: Trong khởi kiện bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Sau khi ông L có đơn phản tố yêu cầu giải quyết về nợ và tài sản thì bà L cũng đã có đơn xin bổ sung yêu cầu khởi kiện về nợ chung như hai vợ cH đã ký, nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được trả nợ các khoản nợ bà L đã vay của bà H là 250.000.000 đồng, ông L vay của bà H 30.000.000 đồng, đối với khoản nợ vay Ngân Hng, ông L đã sử dụng, do vậy bà L chỉ có trách nhệm trả 1 phần. Còn về tài sản là nH

cấp IV, tại tổ dân phố 6, phường T T, tHnh phố Đ B P, tỉnh Đ B là tài sản riêng của ông L nên bà L không yêu cầu chia về tài sản là nH, đất. Còn tài sản chung là 01 phòng khám tại tổ dân phố 6, phường T T, tHnh phố Đ B P, tỉnh Đ B có giá trị 300.000.000 đồng, bà L có nguyện vọng giao phòng khám cho ông L quản lý, sử dụng, ông L có trách nhiệm thanh toán cho bà L ½ giá trị phòng khám trên.

Tại phiên tòa bà D được bà L ủy quyền về việc chia tài sản và nợ chung bà D có ý kiến như sau:

Về tài sản chung: Sau khi nhận được chứng thư thẩm định giá nguyên đơn nhất trí với giá trị định giá và đề nghị Tòa án giải quyết chia cho bà L được hưởng 1/3 giá trị tài sản chung tại phòng khám mang tên ông L tại Tổ dân phố 6, phường Thanh Trường, tHnh phố Điện Biên Phủ có giá trị là: 159.640.000đồng. Do điều kiện kinh tế và việc kinh doanh ông L là người trực tiếp quản lý kinh tế, trong biên bản xác minh của Tòa án ông L khai làm phòng khám mỗi tháng ông thu được 30.000.000đồng, do bà L không có căn cứ và ông L không chấp nhận chia cho bà L khoản thu nhập Hng tháng khoảng 30.000.000đồng, do vậy nguyên đơn đề nghị Tòa án giao toàn bộ máy và đồ trong phòng khám cho ông L quản lý sử dụng và ông L thanh toán giá trị tiền cho bà L.

Về nợ chung: Tại thời điểm Tòa án giải quyết số nợ chung tại Ngân Hng 390.000.000 đồng và hơn 2 triệu tiền lãi suất. Đối với khoản nợ vay Ngân Hng đã giải ngân vào tài khoản của ông L, ông L đã đầu tư vào phòng khám 250.000.000 đồng số tiền còn lại là 200.000.000 đồng ông L trình bày đã chuyển cho bà L để đầu tư vào phòng khám tại Thuận Châu. Tuy nhiên lời trình bày của ông L là không căn cứ để chấp nhận, vì Tòa án Thuận Châu đã xác minh tại địa bàn Thuận Châu, Sơn La không có phòng khám nào đang hoạt động mang tên ông L hoặc bà L. Ông L cho rằng đã làm phòng khám trên đất nH chị Chuyên cũng không có cơ sở vì tại nH chị Chuyên không có cơ sở là phòng khám và cũng không tài liệu thể hiện chị Chuyên và L hoặc L có thuê nH đất để đủ điều kiện mở phòng khám theo quy định. Sở dĩ tại nơi L sinh sống có thuốc cảm cúm là vì bản thân L cũng là bác sỹ làm việc tại cơ sở y tế xã Thôm Mòn; trong gia đình có thuốc, hoặc chai truyền dịch để khi tHnh viên trong gia đình cần bà L sẽ sử dụng.

Mặt khác 200 triệu đồng là số tiền rất lớn mà chuyển cho bà L bằng tiền mặt là không hợp lý, anh L cũng không có tài liệu chứng minh việc rút tiền mặt để chuyển cho chị L… vậy số tiền vay 450 triệu, chỉ được ông L sử dụng vào đầu tư phòng khám, do vây bà L chỉ chịu ¼ trách nhiệm đối với số tiền 390.000.000đồng là tiền nợ gốc và hơn 2 triệu là tiền lãi phát sinh.

Về nợ riêng: Quá trình Tòa án giải quyết, bà H đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L và bà L trả cho bà H số tiền 280.000.000 đồng (trong đó 30 triệu ông L ký vay còn 250 triệu bà L ký vay). Quá trình giải quyết bà H đã rút một phần yêu cầu đối với khoản tiền 250 triệu L vay không có mặt ông L đầy là nợ riêng của hai chị em nên đề hai chị em tự thỏa thuận. Đối với khoản nợ 30 triệu do ông L ký giấy vay tại Sơn La, do L vay riêng, lên bà L không biết và không ký vào giấy vay nợ, bà H đề nghị ông L phải có trách nhiệm trả bà H số tiền ông L ký vay với bà H. Do điều kiện bà H ở Sơn

La nên ông L có trách nhiệm trả bà H số tiền 30 triệu nhưng đối trừ nghĩa vụ trả nợ khoản nợ khác cho bà L để thuận lợi cho việc thi Hnh bản án. Kính mong HĐXX xem xét để bảo vệ quyền lợi cho bà L theo quy định tại Điều 59 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 7 Thông tư liên tịch số: 01/2016 ngày 06/01/2016.

2. Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi lấy nhau ông L và bà L sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính tình hai vợ cH không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, sống không có hạnh phúc. Nay bà L có làm đơn xin ly hôn với ông L, ông L hoàn toàn nhất trí ly hôn với bà L.

- Về con chung: Ông L khai và công nhận vợ cH có 01 con chung cháu Đoàn Ánh D, sinh ngày 17/6/2020. Nay ly hôn ông L cũng có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đoàn Ánh D, sinh ngày 17/6/2020 cho đến khi 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung ông L yêu cầu bà L phải cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/ 1 tháng.

- Về con riêng: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông L những tài sản sau: Đối với phòng khám tổ dân phố 06, phường Thanh Trường, tHnh phố Điện Biên Phủ ông L có nguyện vọng được quản lý và sử dụng. Đối với phòng ở bản Ba Nhất, xã Thôm, Mòn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La giao cho bà L quản lý và sử dụng.

- Về nợ phải trả:

+ Năm 2020 ông L và bà L có vay ngân Hng Agribank chi nhánh tHnh phố Điện Biên Phủ số tiền là 450.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-202002563 ngày 11/12/2020 Ngân Hng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – tại phòng giao dịch số 2. Tài sản thế chấp vay là tài sản riêng của ông L. Trong 2 năm qua, bà L hầu như không có trách nhiệm đối với khoản nợ vay Ngân Hng trên. Cụ thể riêng ông L đã trả số tiền lãi và tiền gốc trong 2 năm là 129.667.945 đồng, bà L trả được 17.000.000 đồng. Ông L và bà L đã trả Ngân Hng được số tiền cả gốc 146.667.945 đồng. Hiện nay còn nợ ngân Hng Agribank chi nhánh tHnh phố Điện Biên Phủ số tiền là 390.000.000 đồng, đối với khoản nợ Ngân Hng này cả hai vợ cH cùng nhau ký và vay khoản nợ này để đầu tư vào trang thiết bị y tế cho 02 phòng khám, 01 phòng khám đứng tên ông Đoàn Duy L, địa chỉ: Tổ dân phố 06, phường T T, tHnh phố Đ B P, tỉnh Đ B, 01 phòng khám đứng tên bà Lò Thị L có địa chỉ: Bản B N, xã T M, huyện T C, tỉnh S L. Số tiền ông L và bà L vay về cả ông L và bà L cùng sử dụng mỗi người ½ số tiền vay đầu tư vào cơ sở khám bệnh, khi vay xong ông L và bà L giao tiền mặt cho nhau vì là vợ cH nên

ông L không làm văn bản giấy tờ hay thỏa thuận gì và đối với số tiền lãi Ngân Hng bà L cũng đã trả được 01 phần. Nay còn số tiền gốc vay Ngân Hng còn 390.000.000 đồng còn phần lãi ông L đã trả hết đến 25/3/2023. Ông L có nguyện vọng chia nợ ông L chịu ½ còn ½ bà L phải có trách nhiệm trả cho Agribank chi nhánh tHnh phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

+ Ông L vay của bà Quàng Thị H số tiền 30.000.000 đồng mỗi người cũng sẽ trả cho bà H ½, đối với số tiền 250.000.000 đồng do bà L ký vay là ông L không nhất trí trả. Còn chiếc xe SH tiền do bà L chuyển vào tài khoản của ông L là 74.000.000 đồng, ông L đã mua xe cho bà L, có đăng ký tên ông L, bà L đã sử dụng, hiện nay đã bán cho người khác, nay ông L không yêu cầu chia. đối với số tiền 17.000.000 đồng bà L chuyển cho ông L, ông L đã trả lãi Ngân Hng trong số tiền vay của 450.000.000 đồng.

Đến nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nợ Ngân Hng còn là 390.000.000đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/9/2023 tạm tính đến ngày 19/10/2023 là 2.671.233đồng, vì ông L vay đền kinh doanh vào hai phòng khám do vậy chia nợ chung mỗi người phải chịu ½ nợ Ngân Hng.

- Về nợ riêng (phải trả, lấy về): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông L bổ sung ý kiến sau:

Đối với con chung ông L nhất trí để bà L nuôi cháu D, ông L không cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà L.

Đối với phòng khám mang tên bà Lò Thị L có địa chỉ: Bản B N, xã T M, huyện T C, tỉnh S L, ông L không cung cấp được chứng cứ. Ông L xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với số tiền ông L nộp yêu cầu Tòa án tHnh lập Hội đồng thẩm định và định giá giá trị tài sản chung của ông L và bà L, sau khi được Tòa án thông báo và thanh toán ông L nhất trí và xin chịu toàn bộ chi phí, không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền thẩm định và định giá ông L đã nộp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân Hng Agribank có văn bản gửi Tòa án và tại phiên tòa:

Ông Đoàn Duy L, và bà Lò Thị L có vay ngân Hng theo Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-202002563 ngày 11/12/2020 Ngân Hng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – tại phòng giao dịch số 2 tổng số tiền là 450.000.000 đồng. Hiện nay ông L, bà L đã trả được 146.667.945 đồng, số tiền còn lại 390.000.000 đồng. Nếu ông L, bà L ly hôn thì nay Ngân Hng yêu cầu ông L, bà L trả hết số nợ 390.000.000đồng và lãi phát sinh trước khi ly hôn.

Tại phiên tòa Ngân Hng bổ sung yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 25/9/2023 tạm tính đến ngày xét xử là 2.671.233đồng. Trong trường hợp Tòa án giải quyết dứt điểm vụ án xin ly hôn trên thì Ngân Hng yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

theo quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Ngân Hng và bảo đảm an toàn cho nguồn vốn vay của NH nước, khi Tòa án giải quyết về khoản nợ chung và trách nhiệm thanh toán khoản nợ và tiền lãi phát sinh.

3.2. Bà C trình bày: Tôi có 01 thửa đất số 66, tờ bản đồ 89 mục đích sử dụng đất đô thị thời hạn sử dụng lâu dài, có địa chỉ: Tổ dân phố 06, phường T T, tHnh phố Đ B P, tỉnh Đ B, có diện tích là 92m^2 mang tên tôi Nguyễn Thị C. Trước khi tôi tặng đất cho con trai tôi là Đoàn Duy L còn đang thế chấp trong Agriank, tHnh phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên vay số tiền là 200.000.000 đồng, sau đó con tôi L đã vay chỗ chị Trần Thị Hiền Lương số tiền 250.000.000 đồng trả toàn bộ số nợ Ngân Hng đã vay khoản 200.00.000 đồng, sau đó con trai tôi Đoàn Duy L, cô Lò Thị L đã mang ra Ngân Hng để thế chấp vay ngân Hng, có hợp đồng tín dụng số 8912-LAV-202002563 ngày 11/12/2020 Ngân Hng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – tại phòng giao dịch số 2 tổng số tiền là 450.000.000 đồng, việc hai con đã trả ngân Hng được 146.667.945 đồng, còn nợ lại ngân Hng 390.000.000 đồng. Nay tôi yêu cầu hai con trước khi ly hôn mỗi người phải trả ½ số tiền đã vay Ngân Hng. Về con chung của cháu nó còn nhỏ thì ai nuôi cũng được. Nếu hai vợ cH phải ly hôn thật sự thì Tòa giao cháu D cho con trai tôi là Đoàn Duy L trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cháu thì tôi không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3.3. Bà Quàng Thị H trình bày: Tôi có yêu cầu độc lập đối với vụ án này. Nay bà L và ông L vay tôi 2 lần tổng số tiền 280.000.000 đồng, vay 30.000.000 đồng do ông L trực tiếp ký, còn bà L ký vay của bà H là 250.000.000 đồng. Nếu ông L, bà L ly hôn thì bà H có nguyện vọng khi hai vợ cH ly hôn thì trả số nợ hết cho bà H, bà H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Bà H có đơn xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả số tiền 250.000.000đồng vì bà H cho bà L vay không có chữ ký của ông L do vậy bà H xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với số tiền 30.000.000đồng bà H cho ông L vay riêng và có chữ ký của ông L, bà H trực tiếp đưa tiền cho ông L, do vậy ông L phải có trách nhiệm trả số tiền 30.000.000đồng cho bà H.

3.4. Bà Lò Thị Chuyên có văn bản gửi Tòa án ngày 01/6/2023 có nội dung sau:

Bà Chuyên là chị gái của bà L, ông L khai tại Tòa án là bà L có đầu tư làm phòng khám trên đất của bà Chuyên để làm phòng khám. Khi về xác minh Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu đã xuống xem xét xác minh theo Ủy thác của Tòa án tHnh phố Điện Biên Phủ về việc vợ cH L L có đầu tư phòng khám trên đất của gia đình tôi, việc này trên thực tế vợ cH L L có ý định về Điện Biên sinh sống nên đã đầu tư phòng khám tại Điện Biên, vì L cũng có ý định chuyển công tác cho L về Điện Biên nên chưa bao giờ tôi nghe thấy vợ cH L L nói về việc đầu tư tại Sơn La. Đối với việc L L đầu tư làm nH trên đất của gia đình tôi là không có. Nếu L L có đầu tư phòng khám trên đất của tôi thì ít nhất hai bên phải có Hợp đồng thuê hoặc mượn đất của gia đình tôi, tại Thuận Châu, Sơn La chắc chắn chưa bao giờ có việc

L L làm thủ tục tHnh lập phòng khám. Vì vậy việc L L đầu tư trên đất của gia đình tôi để mờ phòng khám bà Chuyên khẳng định là không có.

4. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Triệu Thị H trình bày:

- Về tài sản chung: Nhất trí với giá do Chứng thư thẩm định giá là 159.640.000đồng. Đề nghị HDXX chia ông L được ½ giá trị tài sản là 79.820.000đồng; bà L được ½ giá trị tài sản là 79.820.000đồng. Do phòng khám và máy và đồ dùng ông L đang làm phòng khám lên kính mong HĐXX xem xét giao phòng khám tại tổ 6, phường Thanh Trường cho ông L được quyền quản lý và sử dụng và ông L có trách nhiệm thanh toán ½ giá trị phòng khám cho bà L là 79.820.000đồng.

- Về nợ chung: Ông L và bà L ký vay Ngân Hng số tiền 450.00.000đồng và lãi phát sinh ông L đã trả, đến nay còn nợ số tiền nợ gốc là 390.000.000đồng, nợ lãi phát sinh là 2.671.233đồng và khoản tiền ông L vay của bà H 30.000.000đồng. Do ông L vay mục đích để đầu tư hai phòng khám và trả lãi suất, do vậy đề nghị HĐXX chia ông L chịu ½ tiền nợ và ½ tiền lãi phát sinh. Bà L cũng phải chịu ½ tiền nợ và ½ tiền lãi phát sinh

5. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu, thu thập chứng cứ.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án các đương sự đã chấp Hnh đầy đủ quyền và nghĩa vụ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định tại khoản 15, khoản 16 Điều 70 BLTTDS:

Về quan điểm giải quyết: Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 207; Điều 219 BLDS Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lò Thị L và ông Đoàn Duy L.

- Về con chung: Giao cho bà L trực tiếp nuôi cháu Đoàn Ánh D, sinh ngày 17/6/2020 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi;

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận việc bà L và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông L về yêu cầu chia tài sản chung. Bên nào nhận phần tài sản có giá trị lớn hơn phần mình được hưởng thì phải thanh toán cho bên kia phần trên lệch. Không chấp nhận chia phòng khám tại thôn Ba Nhất, xã Thôn Mòn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Chấp nhận xin rút yêu cầu của bà H về khoản nợ 250.000.000đồng bà H cho bà L vay.

Cụ thể bà L và ông L được chia:

- Phòng khám tại tổ 6, phường Thanh Trường giá trị 159.640: 2 = 79.820.000đồng;

- Nợ chung Ngân Hng: Nợ gốc 390.000.000đồng và lãi phát sinh 2.671.233đồng : 2 = 196.335.616đồng.

- Nợ bà H 30.000.000đồng : 2 = 15.000.000đồng

- Về con riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Bà L chịu 300.000đồng án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn; bà L và ông L phải chịu án phí giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia và phải trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Bà Lò Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tHnh phố Điện Biên phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Đoàn Duy L có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố 6, phường Thanh Trường, tHnh phố Điện Biên Phủ, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tHnh phố Điện Biên phủ, tỉnh Điện Biên.

[1.2] Các vấn đề khác: Theo đơn khởi kiện ban đầu bà L chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân và về con chung; đối với tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa giải quyết. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án ông L trả lời thông báo Tòa án và có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tòa án đã thông báo cho ông L nộp tiền tạm ứng án phí thụ lý về yêu cầu phản tố của ông L. Vì vậy mối quan hệ pháp luật của vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn"*.

[1.3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Quàng Thị H có đơn và nộp tiền tạm ứng án phí Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập của bà Quàng Thị H. Sau khi thụ lý yêu cầu phản tố của ông L, trong đó ông L yêu cầu Tòa án giải quyết liên quan đến khoản nợ của Ngân Hng. Tòa án đã thụ lý yêu cầu phản tố và gửi Thông báo cho Ngân Hng Nông nghiệp tHnh phố Điện Biên Phủ, Ngân Hng có văn bản trả lời và có ý kiến đối với khoản tiền ông L và bà L khởi kiện đề nghị Tòa án chia nợ chung có liên quan đến Ngân Hng, ông L phải nộp dự phí án phí ban đầu, Ngân Hng không khởi kiện nên Ngân Hng không nộp dự phí án phí, trách nhiệm ông L yêu cầu ông L phải nộp dự phí án phí.

[1.4] Các vấn đề khác: Nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm gửi Tòa án về phần tình cảm và con chung; đối với phần tài sản chung và nợ phải trả bà L ủy quyền cho bà D; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị Chuyên; bà Quàng Thị H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Viện kiểm sát để xét xử vắng mặt nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Bà L và ông L lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Quá trình vợ cH chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ cH không hòa hợp, quan điểm bất đồng. Toà án đã tiến Hnh hoà giải nhưng không tHnh. Nay bà L xét thấy tình cảm vợ cH không còn; hai vợ cH đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa bà L và ông L không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông L theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa ông L nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho bà L và ông L khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Lò Thị L và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa bà Lò Thị L và ông Đoàn Duy L.

[2.2] Xét về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông L có 01 con chung là cháu Đoàn Ánh D, sinh ngày 17/6/2020. Bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu D, đồng thời yêu cầu ông L cấp dưỡng 2.000.000đồng/1 tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Bà L đưa ra căn cứ bà L làm tại Trung tâm Y tế có thu nhập ổn định có nơi ở và gần trường học đảm bảo cho cháu D cuộc sống ổn định, mặt khác cháu D là con gái cháu còn nhỏ trong quá trình phát triển tâm lý thì cháu ở với bà L sẽ phù hợp.

Tại buổi hòa giải ông L cũng có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu D và yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi cháu D 2.000.000đồng/1 tháng đến khi cháu D đủ 18 tuổi, ông L công tác tại Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên và có lương ổn định, ông L có phòng khám riêng.

Ngày 18/10/2023 bà L có đơn xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên Tòa ông L nhất trí giao cháu D cho bà L nuôi và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy việc rút yêu cầu không đền nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, đề nghị HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần các đương sự rút.

[2.3]. Xét về con riêng: Bà L và ông L đều khai và công nhận bà L và ông L đều có con riêng, bà L và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con riêng. Vì vậy tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[2.4] Xét về tài sản chung: Theo đơn phản tố, ban đầu ông L yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ cH gồm hai phòng khám. Cụ thể: Ông L và và L đưa ra thỏa thuận phòng khám tại tổ 6, phường Thanh Trường, tại Biên bản xác minh ngày 13/4/2023 xác minh giá trị tài sản phòng khám ông L đưa ra giá trị của phòng khám trên có giá trị khoảng 300.000.000đồng, tại buổi hòa giải ngày 07/6/2023 ông L và bà L thỏa thuận giá trị còn là 250.000.000đồng. Ông L cung cấp thông tin về việc ông L và bà L có đầu tư vào phòng khám tại xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu là 150.000.000 đồng, nhưng ông L không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông L và bà L có đầu tư phòng khám tại xã Thôm Mòn. Bà L khai và chứng minh ông L và bà L không đầu tư phòng khám tại xã Thôm Mòn. Tòa án đã ra Quyết định ủy thác xác minh phong khám tại xã Thôm Mòn, tại Biên bản xác minh ngày 15 và ngày 16/3/2023 Tòa án nhân dân huyên Thuận Châu xác minh "…*trước đây ở Bản Ba Nhất 2, xã Thôn Mòn có hộ gia đình chị Lò Thị L, anh Đoàn Duy L kinh doanh việc bán thuốc thông thường như cảm cúm, anh L chị L không thực hiện việc khám chữa bệnh cũng như không có biển khám chữa bệnh ... tại Bản Ba Nhất 2, xã Thôn Mòn không có phòng khám nào mang tên Lò Thị L ...*". Từ những chứng cứ ông L và bà L đưa ra HĐXX chỉ có căn cứ chấp nhận ông L và bà L có đầu tư 1 phòng khám đang hoạt động tại tổ 6, phường Thanh Trường, tHnh phố Điện Biên Phủ, phòng khám đăng ký tên ông Đoàn Duy L, do ông L khám thu phí và tự quản lý. Tại buổi đối chất và hòa giải ông L và bà L đã thỏa thuận phòng khám có giá trị 250.000.000 đồng không yêu cầu Tòa án tHnh lập Hội đồng định giá. Đến ngày 21/8/2023 ông L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu định giá, Tòa án đã Thông báo nộp chi phí tố tụng. Tòa án đã tHnh lập Hội đồng thẩm định vào ngày 05/10/2023, sau khi có kết quả Thẩm định, ông L và bà L có đơn yêu cầu Tòa án làm thủ tục gửi Công ty CPTĐ giá – dịch vụ Nghĩa Hưng định giá, Tòa án làm thủ tục gửi Công ty CPTĐ giá – dịch vụ Nghĩa Hưng định giá giá trị còn lại của tài sản chung của bà L và ông L tại phòng khám tổ 6, phường THnh Trường, tHnh phố Điện Biên Phủ. Tại kết quả chứng thư thẩm định giá số 1010 KT/2023/CT-NHV ngày 16/10/2023, tổng giá trị tài sản thẩm định 159.640.000đồng. Sau khi có kết quả định giá bà L và ông L nhất trí với kết quả thẩm định và định giá, do vậy HĐXX chấp nhận giá trị phòng khám tại tổ 6, phường Thanh Trường giá trị còn lại là 159.640.000 đồng để giải quyết chia tài sản chung theo quy tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 quy định như sau "*Nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ cH khi ly hôn ... Tài sản chung của vợ cH được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây ... công sức đóng góp của vợ, cH vào việc tạo dựng, duy trì và phát triển khối tài sản chung ...* " và tại khoản 3, 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, hướng dẫn thi Hnh một số điều của luật Hôn nhân và gia đình quy định " *... 3. Khi chia tài sản chung của vợ cH khi ly hôn, Tòa án phải xác định vợ, cH có quyền, nghĩa vụ về tài sản với người thứ ba hay không để đưa người thứ ba vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường*

hợp vợ, cH có quyền, nghĩa vụ về tài sản với người thứ ba mà họ có yêu cầu giải quyết thì Tòa án phải giải quyết khi chia tài sản chung của vợ cH. Trường hợp vợ cH có nghĩa vụ với người thứ ba mà người thứ ba không yêu cầu giải quyết thì Tòa án hướng dẫn họ để giải quyết bằng vụ án khác.

4. Trường hợp áp dụng chế độ tài sản của vợ cH theo luật định để chia tài sản của vợ cH khi ly hôn thì tài sản chung của vợ cH về nguyên tắc được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau đây để xác định tỷ lệ tài sản mà vợ cH được chia:

a) "Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, cH" là tình trạng về năng lực pháp luật, năng lực Hnh vi, sức khỏe, tài sản, khả năng lao động tạo ra thu nhập sau khi ly hôn của vợ, cH cũng như của các tHnh viên khác trong gia đình mà vợ cH có quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Bên gặp khó khăn hơn sau khi ly hôn được chia phần tài sản nhiều hơn so với bên kia hoặc được ưu tiên nhận loại tài sản để bảo đảm duy trì, ổn định cuộc sống của họ nhưng phải phù hợp với hoàn cảnh thực tế của gia đình và của vợ, cH.

b) "Công sức đóng góp của vợ, cH vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung" là sự đóng góp về tài sản riêng, thu nhập, công việc gia đình và lao động của vợ, cH trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Người vợ hoặc cH ở nH chăm sóc con, gia đình mà không đi làm được tính là lao động có thu nhập tương đương với thu nhập của cH hoặc vợ đi làm. Bên có công sức đóng góp nhiều hơn sẽ được chia nhiều hơn.

c) "Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp để các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập" là việc chia tài sản chung của vợ cH phải bảo đảm cho vợ, cH đang hoạt động nghề nghiệp được tiếp tục Hnh nghề; cho vợ, cH đang hoạt động sản xuất, kinh doanh được tiếp tục được sản xuất, kinh doanh để tạo thu nhập và phải thanh toán cho bên kia phần giá trị tài sản chênh lệch. Việc bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và hoạt động nghề nghiệp không được ảnh hưởng đến điều kiện sống tối thiểu của vợ, cH và con chưa tHnh niên, con đã tHnh niên nhưng mất năng lực Hnh vi dân sự...".

Do phòng khám ông L đầu tư và quản lý, bà L cũng công nhận ông L có công sức đóng góp vào việc tạo dựng, duy trì phát triển của phòng khám nhiều hơn. Bà L sinh con và nuôi con nhỏ không có điều kiện hỗ trợ ông L trong phòng khám, do vậy ông L, bà L được hưởng giá trị tài sản chung như sau:

- Ông L được hưởng 60% giá trị tài sản chung là: 159.640.000 : 10 x 6 phần = 95.784.000đồng.

- Bà L được hưởng 40% giá trị tài sản chung là: 159.640.000 : 10 x 4 phần = 63.856.000đồng.

Xét thấy, phòng khám tại tổ 6, phường Thanh Trường là do ông L thuê và đầu tư máy và sửa chữa phòng khám và ông L đang quản lý và sử dụng những tài sản sau: Trần nH làm 80m2; Cửa nhôm và cửa kính; Lát nền gạch hoa tổng 100m2; 01 cái

máy Laser nội mạch 02 đầu; 01 máy rung nhiệt nóng; 01 cái máy siêu âm điều trị; 01 cái giường kéo giãn cột sống lưng kéo cổ; 01 đèn chiếu sáng; 01 đèn H ngoại; 02 cái tủ sấy dụng cụ; 01 cái xe đẩy dụng cụ vật tư y tế; 01 ghế giường dụng cụ tập khớp; 01 thang gỗ tập trị liệu (gắn tường); Dụng cụ chức năng phục hồi 02 cái (khung quay tập khớp và dụng cụ tập khớp gối; Hai hộp đựng dụng cụ vật tư; 02 giường sắt có đệm bọc da, các tài sản trên có địa chỉ tại Phòng khám mang tên bác sĩ L tại tổ dân phố 6, phường T T, tHnh phố Đ B P, tỉnh Đ B tổng giá trị còn lại của phòng khám là 159.640.000đồng. Ông L khám và điều trị bệnh đã có thời gian và thuận lợi trong việc khám bệnh, nguyện vọng của ông L và bà L cũng mong muốn giao cho ông L quản lý phòng khám tại tổ 6 và thanh toán giá trị chênh lệch cho bà L là 63.856.000đồng.

Tại phiên Tòa ông L xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết giá trị phòng khám tại xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, xét thấy việc ông L xin rút là có căn cứ do vậy HĐXX chấp nhận.

[2.5] Về nợ phải trả của bà Lò Thị L và ông Đoàn Duy L:

Ông Đoàn Duy L, và bà Lò Thị L có khai và công nhận có vay Ngân Hng theo Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-202002563 ngày 11/12/2020 Agribank, chi nhánh tHnh phố Điện Biên phủ - phòng giao dịch số 2, số tiền vay ban đầu là 450.000.000 đồng. Hiện nay ông L, bà L đã trả được 146.667.945 đồng, số tiền còn lại 390.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính từ ngày 25/9/2023 cho đến ngày xét xử ngày 19/10/2023. Ông L đề nghị Tòa án chia cho ông L chịu ½ nợ gốc và lãi phát sinh, bà L cũng phải chịu ½ khoản nợ và lãi phát sinh. Đối với Ngân Hng có quan điểm nếu ông L, bà L ly hôn thì nay Ngân Hng yêu cầu ông L, bà L trả hết số nợ 390.000.000đồng và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 25/9/2023 đến ngày xét xử 19/10/2023 là 2.671.233 đồng. Do bà L và ông L cùng ký Hợp đồng vay số tiền để đầu tư vào phòng khám tại tổ 6, phường Thanh Trường, khi giải ngân 450.000.000đồng được chuyển vào tài khoản của cá nhân ông L, tại các biên bản làm việc và đối chất ông L thừa nhận ông L là người sử dụng số tiền vay và bà L có chuyển vào tài khoản của ông L để ông L trả lãi là 17.000.000đồng, ông L đã sử dụng khoản tiền vay Ngân Hng vào mua máy và sửa phòng khám và chi dùng cho cá nhân ông L. Đối với hoạt động tại phòng khám ở phố 6, phường Thanh Trường, bà L không chứng mình được việc ông L có thu nhập tại phòng khám là bao nhiêu. HĐXX sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ do ông L cung cấp không có cơ sở chứng minh bà L được hưởng số tiền vay Ngân Hng; số tiền vay ngân Hng do một mình ông L quản lý và sử dụng. Tuy nhiên, do bà L là người cùng ký vay ngân Hng trong thời kỳ hôn nhân để đầu tư mở phòng khám tại phố 6, Thanh Trường, TP Điện Biên phủ là tài sản chung nên bà L phải có trách nhiệm một phần đối với khoản vay Ngân Hng cụ thể như sau:

- Ông L chịu trách nhiệm trả khoản nợ gốc vay Ngân Hng là 390.000.000đồng : 10 x 7 phần = 273.000.000đồng;

Nợ lãi phát sinh tạm tính từ ngày 25/9/2023 đến ngày 19/10/2023 là 2.671.233đồng : 2.671.233: 10 x 7 phần = 1.870.000đồng;

Ông L phải trả Ngân Hng số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi phát sinh tính đến ngày 19/10/2023 là 274.870.000đồng.

- Bà L chịu trách nhiệm trả khoản nợ gốc vay Ngân Hng là 390.000.000đồng : 10 x 3 phần = 117.000.000đồng.

Nợ lãi phát sinh tạm tính từ ngày 25/9/2023 đến ngày 19/10/2023 là: 2.671.233 : 10 x phần = 801.233 đồng.

Bà L phải trả có trách nhiệm trả Ngân Hng số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi phát sinh tính đến ngày 19/8/2023 là 117.801.233đồng.

[3]. Xét về yêu cầu độc lập của bà H và về nợ riêng của bà L và ông L:

- Đối với khoản tiền bà H cho ông L vay 30.000.000đồng có viết giấy và ông L là người ký giấy vay, tại văn bản bà H gửi Tòa án và chứng cứ có trong hồ sơ và ông L đã công nhận có vay và ký, do vậy thể hiện ông L có vay của bà H số tiền trên là có căn cứ, do vậy HĐXX chấp nhận là nợ riêng của ông L. Buộc ông L phải có trách nhiệm trả 30.000.000đồng cho bà H. Bà H không yêu cầu tính lãi suất.

- Đối với số tiền 250.000.000 đồng, do bà L vay bà H là 250.000.000 đồng, bà L viết giấy vay nợ, ông L không chấp nhận khoản nợ 250.000.000đồng. Bà H có đơn xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết, đại diện theo ủy quyền của bà L nhất trí. Xét thấy việc rút yêu cầu của bà H là có căn cứ HĐXX chấp nhận. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà H về khoản tiền 250.000.000đồng do bà H cho bà L vay.

[4]. Để đảm bảo cho việc thanh toán chia tài sản chung và nợ chung, nợ riêng.

- Ngân Hng yêu cầu Tòa án giải quyết để Ngân Hng thu hồi tiền nợ gốc và tiền nợ lãi đảm bảo theo như Hợp đồng tín dụng số 8912-LAV-2020 02563 ngày 11/12/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 107/2020/HĐTC ngày 11/12/2020 và tài sản bảo đảm giao cho người được quyền quản lý tài sản thế chấp.

HĐXX xét thấy để đảm bảo cho việc thanh toán khoản tiền nợ gốc và nợ lãi của ông L và bà L, bà L có nguyện vọng do điều kiện bà L ở xa và điều kiện khó khăn về kinh tế lên bà L và bà H, Ngân Hng mong muốn đối trừ nghĩa vụ trả nợ để thuận lợi cho việc Thi Hnh án sau này. Do vậy HĐXX chấp nhận như sau:

Ông L được quyền quản lý và sử dụng toàn bộ vật dụng tại phòng khám tại phố 6, Thanh Trường, TP Điện Biên phủ và có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản chung cho bà L được hưởng là 63.856.000 đồng. Ông L có trách nhiệm thanh toán nợ riêng cho bà H là 30.000.000 đồng, nghĩa vụ thanh toán cho bà H được chyển sang cho bà Lò Thị L để đối trừ nghĩa vụ thanh toán Ngân Hng từ bà L sang ông L để thuận tiện cho việc thực hiện nghĩa vụ của các bên và ông L chịu trách nhiệm trả khoản nợ Ngân Hng sau khi đối trừ nghĩa vụ với bà L. Bà L được

thanh toán phần giá trị tài sản chung và thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân Hng sau khi đối trừ giá trị tài sản chung được hưởng, thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ riêng của ông L cho bà H và được đối trừ vào nghĩa vụ thanh toán phần nghĩa vụ trả nợ ngân Hng. Cụ thể:

- Bà L thực hiện nghĩa vụ thanh toán với Ngân Hng là 117.801.233 đồng (gồm nợ gốc và lãi) - giá trị tài sản chung được hưởng là 63.856.000 đồng - 30.000.000 đối trừ nghĩa vụ thanh toán cho bà H của khoản nợ riêng của ông L. Bà L còn phải có trách nhiệm thanh toán cho trả cho Ngân Hng là 23.945.233 đồng và tiền lãi phát sinh.

Chuyển trách nhiệm thanh toán nợ riêng của ông L cho bà H sang nghĩa vụ thanh toán của bà L nên bà L có trách nhiệm trả cho bà H: 30.000.000 đồng.

- Ông L nhận máy móc, tài sản đầu tư vào phòng khám tại phố 6, Thanh Trường, TP Điện Biên phủ. Ông L có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ trả Ngân Hng nợ gốc và nợ lãi phát sinh đến ngày xét xử 19/10/2023 phần ông L phải trả là 274.870.000đồng; phần đối trừ trả Ngân Hng phần bà L và bà H là 63.856.000đồng + 30.000.000đồng = 93.856.000đồng. Tổng ông L phải thanh toán trả Ngân Hng 368.726.000 đồng (gồm cả tiền nợ lái và tiền nợ gốc).

[5]. Xét thấy đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của bà L về phần tài sản chung và nợ chung đưa ra là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Xét thấy người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đưa ra không có căn cứ, do vậy HĐXX không chấp nhận.

[7]. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Điện Biên Phủ là tương đối phù hợp, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật để xem xét.

[8]. Về chi phí thẩm định và định giá: Đối với số tiền ông Đoàn Duy L đã có đơn và nộp tiền để tHnh lập Hội đồng thẩm định và định giá, sau khi thẩm định và định giá xong Tòa án đã thanh toán số tiền còn lại trả lại cho ông Đoàn Duy L nhận lại số tiền và nhất trí việc chi Hội đồng thẩm định và định giá. Tại phiên Tòa ông L không đề nghị giải quyết chi phí thẩm định và định giá, ông L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá theo quy định tại các Điều 104, 157, 165 BLTTDS, xét thấy việc ông L tự nguyện chịu chi phí thẩm định và định giá và không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét là có căn cứ, do vậy HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí, dự phí án phí:

[9.1] . Về nghĩa vụ chịu án phí đối với bà L:

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị Tưởng 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST bà L đã nộp theo biên lai thu

tiền 0002078 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi Hnh án dân sự tHnh phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Về án phí bà L phải chịu án phí giá ngạch như sau: 181.657.233 đồng x 5% = 9.083.000 đồng. Bà L chưa nộp án phí.

[9.2] Về nghĩa vụ chịu án phí đối với ông L:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị Tưởng 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí về việc ông L được chia giá trị tài sản chung và phải chịu nợ chung, nợ riêng gồm: Tài sản chung ông L được chia là 95.784.000 đồng + 274.870.000 đồng (nợ phải trả Ngân Hng) + 30.000.000 đồng (nợ riêng phải trả cho bà H) = 400.654.000đồng (án phí giá ngạch của 400.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + (654.000 đồng x 4 % = 26.160đồng) = 20.026.160 đồng ông L chịu án phí giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền 9.750.000 đồng tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số: 0002146 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi Hnh án dân sự tHnh phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ông Lòng còn phải nộp 10.276.160 đồng.

[9.3] Tiền tạm ứng án phí: Ngân Hng và bà Quàng Thị H không phải chịu án phí. Trả lại cho bà Quàng Thị H (bà Quàng Thị Thanh nộp hộ) số tiền là 7.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai số: 0002229 ngày 24/5/2023 tại Chi cục thi Hnh án dân sự tHnh phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lò Thị L và chấp nhận yêu cầu phản tố về chia tài sản chung và nợ chung, nợ riêng của ông L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lò Thị L và ông Đoàn Duy L .

2. Về con chung, con riêng:

2.1. Về con chung: Giao con chung là Đoàn Ánh D, sinh ngày 17/6/2020 cho bà Lò Thị L được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do bà L xin rút.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Về con riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tài sản chung:

3.1. Ông Đoàn Duy L được quyền quản lý và sử dụng những tài sản sau: Trần nH làm 80m2; Cửa nhôm và cửa kính; Lát nền gạch hoa tổng 100m2; 01 cái máy Laser nội mạch 02 đầu; 01 máy rung nhiệt nóng; 01 cái máy siêu âm điều trị; 01 cái giường kéo giãn cột sống lưng kéo cổ; 01 đèn chiếu sáng; 01 đèn H ngoại; 02 cái tủ sấy dụng cụ; 01 cái xe đẩy dụng cụ vật tư y tế; 01 ghế giường dụng cụ tập khớp; 01 thang gỗ tập trị liệu (gắn tường); Dụng cụ chức năng phục hồi 02 cái (khung quay tập khớp và dụng cụ tập khớp gối; Hai hộp đựng dụng cụ vật tư; 02 giường sắt có đệm bọc da, các tài sản trên có địa chỉ tại Phòng khám mang tên bác sĩ L tại tổ dân phố 6, phường T T, tHnh phố Đ B P, tỉnh Đ B (tổng giá trị còn lại của phòng khám là 159.640.000đồng).

3.2. Ông Đoàn Duy L phải thanh toán giá trị trênh lệch của tài sản chung cho bà Lò Thị L là 63.856.000đồng (đối trừ vào nghĩa vụ trả nợ chung cho Ngân Hng).

4. Về nợ phải trả, nợ lấy về:

4.1. Nợ phải trả:

- Bà Lò Thị L trả những khoản nợ sau:

+ Trả bà Lò Thị H 30.000.000đồng (khoản nợ riêng của ông L đối trừ vào tài sản chung ông L chia cho bà L).

+ Trả Ngân Hng A , phòng giao dịch số 2 theo Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-202002563 ngày 11/12/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 107/2020/HĐTC ngày 11/12/2020 và tài sản bảo đảm là 23.945.233 đồng. Kể từ sau ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà L tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-202002563 ngày 11/12/2020.

- Buộc ông Đoàn Duy L có trách nhiệm trả Ngân Hng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh tHnh phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch số 2 theo Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-202002563 ngày 11/12/2020 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 107/2020/HĐTC ngày 11/12/2020 và tài sản bảo đảm giao tổng số tiền nợ gốc là nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 19/10/2023 là 368.726.000đồng (trong đó đối trừ trả bà L về chia tài sản chung là 63.856.000đồng và 30.000đồng đối trừ bà L trả cho bà H là nợ riêng của

ông L). Kể từ sau ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông L tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số: 8912-LAV-202002563 ngày 11/12/2020.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi Hnh án, nếu bà L không trả cho bà H khoản tiền trên thì bà L còn phải trả cho bà H khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định khoản 2 tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2. Đình chỉ xét xử đối với số tiền là 250.000.00đồng do bà H xin rút và số tiền 150.000.000đồng (do ông L yêu cầu chia phòng khám tại xã Thôm Mòn, huyện Thuận Châu) do ông L xin rút.

4.2. Nợ lấy về: Không có.

5. Về chi phí thẩm định và định giá: Chấp nhận việc ông L tự nguyện chịu chi phí thẩm định và định giá không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí và dự phí án phí:

6.1. Về nghĩa vụ chịu án phí đối với bà L:

Bà Lò Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST bà L đã nộp theo biên lai thu tiền 0002078 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi Hnh án dân sự tHnh phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà L đã nộp.

- Bà Lò Thị L chịu 9.083.000 đồng án phí giá ngạch về chia tài sản và nợ chung. Bà L chưa nộp án phí.

6.2. Về nghĩa vụ chịu án phí đối với ông L: Ông L chịu 20.026.160 đồng án phí giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền 9.750.000 đồng tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số: 0002146 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi Hnh án dân sự tHnh phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ông L còn phải nộp 10.276.160 đồng.

3.3. Tiền nộp dự, phí án phí: Trả cho bà Quàng Thị H (bà Quàng Thị Thanh nộp hộ) số tiền là 7.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai số: 0002229 ngày 24/5/2023 tại Chi cục thi Hnh án dân sự tHnh phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

7. Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/10/2023). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo

về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/10/2023). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND xã Thôn Mòn, H. Thuận Châu, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thương Huyền

THNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thương Huyền